

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 30/09/2017	Số dư tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		279.742.852.251	329.903.644.456
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	89.518.049.913	87.141.844.393
1. Tiền	111		15.299.880.829	20.078.643.351
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.218.169.084	67.063.201.042
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	35.896.787.458	39.562.588.005
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.896.787.458	39.562.588.005
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.911.621.839	125.219.510.282
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	51.281.415.488	61.629.790.612
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22.280.431.579	4.540.527.106
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	13.279.072.085	65.310.190.722
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(8.929.297.313)	(6.260.998.158)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	74.770.778.213	77.979.701.776
1. Hàng tồn kho	141		75.138.218.795	78.794.690.358
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(367.440.582)	(814.988.582)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.645.614.828	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	79.145.924	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.16	1.566.468.904	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		294.761.507.731	177.080.488.260
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		106.452.920.409	46.956.121.047
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	16.918.431.393	16.918.431.393
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	89.534.489.016	30.037.689.654
II. Tài sản cố định	220		12.450.739.891	8.199.294.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	12.319.390.966	8.024.162.211
- Nguyên giá	222		21.305.982.947	15.592.073.855
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.986.591.981)	(7.567.911.644)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	131.348.925	175.131.900
- Nguyên giá	228		350.263.800	350.263.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(218.914.875)	(175.131.900)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.383.593.101	2.082.792.171
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	36.383.593.101	2.082.792.171
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	135.218.085.366	115.379.345.695
1. Đầu tư vào công ty con	251		113.019.345.695	88.019.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		260.000.000	260.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(701.815.329)	
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		22.640.555.000	27.100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.256.168.964	4.462.935.236
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	622.743.073	368.009.546
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.633.425.891	4.094.925.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		574.504.359.982	506.984.132.716

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư tại ngày 30/09/2017	Số dư tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		264.608.293.465	227.385.355.430
I. Nợ ngắn hạn	310		224.456.772.465	207.914.641.430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	39.210.314.695	53.529.104.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	65.020.411.605	50.971.723.799
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	9.625.262.520	4.601.826.909
4. Phải trả người lao động	314		1.183.922.782	2.342.753.441
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	43.293.770.527	60.611.211.634
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	22.307.479.446	11.408.545.166
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.259.813.980	1.532.825.710
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	28.770.019.452	16.525.032.433
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2.950.266.132	1.355.494.407
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	8.835.511.326	5.036.123.906
II. Nợ dài hạn	330	V.20	40.151.521.000	19.470.714.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		40.151.521.000	19.470.714.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.23	309.896.066.517	279.598.777.286
I. Vốn chủ sở hữu	410		309.896.066.517	279.598.777.286
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.070.000	119.999.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.070.000	119.999.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.411.814.794	35.776.975.740
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139.784.251.723	118.121.801.546
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.629.162.352	27.410.478.189
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		76.155.089.371	90.711.323.357
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		574.504.359.982	506.984.132.716

Tiền Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		48.615.368.368	121.450.844.017	194.232.913.496	287.107.125.205
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	109.008.591	-	109.008.591
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	48.615.368.368	121.341.835.426	194.232.913.496	286.998.116.614
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	36.663.496.721	107.152.153.659	140.828.374.620	252.248.653.831
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.951.871.647	14.189.681.767	53.404.538.876	34.749.462.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.719.050.425	18.144.068.245	51.757.779.851	52.263.766.942
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	865.904.796	43.916.972	1.430.635.020	952.356.137
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		201.937.006	202.207.545	728.819.691	939.187.979
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.408.773.448	1.011.195.759	3.862.321.328	4.194.462.936
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.236.404.695	5.053.756.234	12.321.465.022	12.346.324.872
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		23.159.839.133	26.224.881.047	87.547.897.357	69.520.085.780
11. Thu nhập khác	31	VI.7	11.522.899	194.461.647	219.416.090	597.532.247
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	10.914.689	88.091.367	372.382.467
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		11.522.899	183.546.958	131.324.723	225.149.780
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.171.362.032	26.408.428.005	87.679.222.080	69.745.235.560
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.738.221.799	1.596.571.115	11.062.632.910	3.829.888.111
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		173.555.149	(62.023.139)	461.499.799	(547.905.339)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		21.259.585.084	24.873.880.029	76.155.089.371	66.463.252.788

Người lập biểu

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG

Ngày 25 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		87.679.222.080	69.745.235.560
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.447.171.592	2.411.584.736
- Các khoản dự phòng	03		4.517.338.209	(10.532.795.871)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(9.261.494)	(2.314.445)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(51.748.518.357)	(52.241.452.566)
- Chi phí lãi vay	06		728.819.691	939.187.979
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.614.771.721	10.319.445.393
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.996.311.972)	28.970.636.057
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.323.980.126	66.549.440.704
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(210.730.096)	65.146.716.113
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(333.879.451)	(2.305.968.307)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.396.328.254)	(972.660.745)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.794.442.020)	(1.571.410.187)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.043.400.000)	(6.691.658.338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.163.660.054	159.444.540.690
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(46.705.359.286)	(1.476.976.991)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	185.794.926
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.134.336.745)	(57.850.014.530)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.259.582.292	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.857.324.692	24.609.879.784
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.722.789.047)	(34.531.316.811)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33		68.527.286.945	54.402.540.243
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35.601.492.926)	(147.528.271.635)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.999.721.000)	(14.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.073.926.981)	(107.125.731.392)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		2.366.944.026	17.787.492.487
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		87.141.844.393	47.209.886.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.261.494	2.314.445
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		89.518.049.913	64.999.693.433

Tiền Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

LÊ MỸ PHƯƠNG

TRẦN HOÀNG HUÂN



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2017

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 119.999.070.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng, Xí nghiệp Thi công Cơ Giới có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại Lô 1 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2017 là 81 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 12 năm 2016, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

3. Cấu trúc tập đoàn

3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	75,42%	75,42%
4	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%

3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền	20,00%	20,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt nam số 27-Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Tiền và tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	04 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay.... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

9. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

12. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nổi dài, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng và dự án khu nhà ở TM xã Trung An được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

16. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng,...).

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Tiền mặt	173.909.373	439.965.946
Tiền gửi ngân hàng (i)		
- VNĐ	15.027.510.154	19.549.484.433
- USD	8.592.328	8.607.463
- EUR	89.868.974	80.585.509
Các khoản tương đương tiền (ii)	74.218.169.084	67.063.201.042
Cộng	89.518.049.913	87.141.844.393

(i) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Tiền gửi ngân hàng	Gốc ngoại tệ	Tương đương VNĐ
- USD	378,35	8.592.328
- EUR	3.373,46	89.868.974

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại lãi suất từ 4,3%/ năm đến 5,2%/ năm (năm 2016: 4,3%/ năm đến 4,8%/ năm).

Trong đó số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang là 2.265.668.222 đồng đã được đảm bảo cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của công ty.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Ngắn hạn	35.896.787.458	39.562.588.005
Tiền gửi có kỳ hạn	35.896.787.458	39.562.588.005
Dài hạn	22.640.555.000	27.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	22.640.555.000	27.100.000.000
Cộng	58.537.342.458	66.662.588.005

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại các Ngân hàng thương mại có lãi suất từ 5,3% đến 7,1% (năm 2016 từ 4,8%/ năm đến 7,1%/ năm).

Trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tiền Giang là 8.773.318.698 đồng (ngắn hạn: 2.224.522.031 đồng và dài hạn 6.548.796.667 đồng), đã được đảm bảo cho các khoản vay và khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/433488/HĐTD ngày 17/10/2016 và hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17/10/2016 của công ty.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số dư 30/09/2017			Số dư 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV Bê tông TICO (*)	68.000.000.000	-	68.000.000.000	38.000.000.000	-	38.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICO(**)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICO	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICO	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICO An Giang (***)	14.519.345.695	(701.815.329)	14.382.284.671	14.519.345.695	-	15.084.100.000
Công ty Cổ phần Testco	260.000.000	-	327.620.258	260.000.000	-	330.609.469
Cộng	113.279.345.695	(701.815.329)	113.209.904.929	88.279.345.695		88.914.709.469

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo.

(*) Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đã hoàn tất thủ tục pháp lý về việc tăng vốn điều lệ từ 38.000.000.000 đồng lên 68.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200686249, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10 tháng 7 năm 2017.

(**) Trong quý 3 năm 2017, Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO đã điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200683404, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 28 tháng 07 năm 2017, chuẩn y cho việc giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO từ 25.000.000.000 đồng xuống 20.000.000.000 đồng.

(***) Ngày 21 tháng 8 năm 2017, Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với đối tác, tổng giá trị chuyển nhượng là 15.081.100.000 đồng. Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng này.

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	15.935.579.860	7.628.505.554
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	25.914.024.412	44.416.715.086
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	3.075.717.540	3.353.357.540
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	3.234.731.506	4.023.182.762
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	3.121.362.170	2.208.029.670
Cộng	51.281.415.488	61.629.790.612

Chi tiết phải thu ngắn hạn của các khách hàng sau:

Phải thu các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	9.850.564.010	8.535.940.711
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	6.806.894.180	3.468.552.153
Cty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	5.069.226.541	1.720.783.410
Cty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	16.129.120	-

Phải thu các khách hàng khác

Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10	1.523.730.000	1.261.000.000
Sở NN và PTNT Trà Vinh	5.103.725.813	13.443.615.813
Trung tâm QLKT công trình thủy lợi Long An	251.268.000	284.955.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ban QLDA ĐT XD CT Giao thông Tiền Giang	1.188.217.000	8.385.427.595
Ban QLDA công trình NN và PTNT Cà Mau	2.762.784.941	2.270.580.000
Ban QLDA chuyên ngành NN PTNT Bến Tre	1.139.908.000	2.171.500.300
BQL các tiểu dự án RETA	2.327.628.100	2.388.140.300
Ban QL các DA đầu tư xây dựng TP. Mỹ Tho	746.958.000	1.218.266.000
Công ty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát	1.013.265.000	-
Công ty Cổ Phần An Thịnh	287.663.000	3.423.593.668
Khách hàng khu dân cư Long Thạnh Hưng	2.633.124.670	1.739.374.670
Các khách hàng khác	10.560.329.113	11.318.060.992
Cộng	51.281.415.488	61.629.790.612

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Trả trước cho người bán kinh doanh VLXD	955.492.077	2.178.089
Trả trước cho người bán thi công công trình	20.156.229.802	3.559.822.517
Trả trước cho người bán kinh doanh bất động sản	1.168.709.700	978.526.500
	22.280.431.579	4.540.527.106

Chi tiết trả trước các người bán sau:**Trả trước người bán là các bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ	768.008.000	768.008.000
Cty TNHH MTV Xây Dựng Ticcô	3.470.600.000	-
Cty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCÔ	2.435.000.000	-
Cty TNHH MTV XD TL TICCÔ	3.900.841.000	1.864.454.520

Trả trước người bán khác

Công ty TNHH Kiến Minh	6.350.000.000	-
DNTN Thanh Hiếu	2.977.191.802	-
Công ty TNHH MTV Phú Phú Quang	627.508.231	-
Công ty TNHH An Quốc Thịnh	316.635.200	-
Các nhà cung cấp khác	1.434.647.346	1.908.064.586
Cộng	22.280.431.579	4.540.527.106

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***5. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Số dư 30/09/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay dài hạn	16.918.431.393	16.918.431.393
Cộng	16.918.431.393	16.918.431.393

6. Phải thu khác

	<u>Số dư 30/09/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
a/ Phải thu ngắn hạn khác	13.279.072.085	65.310.190.722
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.521.161.823	615.923.830
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	583.167.691	60.025.343.334
Công ty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	1.803.216.577	284.008.554
Công ty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	875.179.838	950.459.852
Sở tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	255.168.853
Tạm ứng nhân viên	3.646.020.930	2.507.027.282
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gò Công Đông	3.529.020.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất TX Gò Công	328.190.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	737.946.373	672.259.017
b/ Phải thu dài hạn khác	89.534.489.016	30.037.689.654
Các khoản ký quỹ	-	60.010.000
Lợi nhuận các năm của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	89.534.489.016	29.977.679.654
Cộng	102.813.561.101	95.347.880.376

7. Nợ xấu

	<u>30/09/2017</u>			<u>01/01/2017</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng	11.140.648.401	2.794.246.441	(8.346.401.960)	5.828.502.963	150.400.158	(5.678.102.805)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	Dự phòng VND	VND	VND	Dự phòng VND
Các khách hàng bán bê tông	1.513.769.863	-	(1.513.769.863)	1.513.769.863	-	(1.513.769.863)
Công ty Cổ phần Giao thông vận tải Kiên Giang	925.888.360	-	(925.888.360)	925.888.360	-	(925.888.360)
Ban Quản lý Đầu Tư & Xây Dựng Thủy Lợi 9	374.524.406	-	(374.524.406)	374.524.406	112.357.321	(262.167.085)
BQL DA CT NN & PT NT Cà Mau	378.200.000	189.100.000	(189.100.000)	-	-	-
Sở NN& PTNT tỉnh Trà Vinh	4.750.394.813	2.375.197.406	(2.375.197.407)	-	-	-
Các khách hàng khác	3.197.870.959	229.949.035	(2.967.921.924)	3.014.320.334	38.042.837	(2.976.277.497)
Trả trước người bán	317.226.500	-	(317.226.500)	317.226.500	-	(317.226.500)
Công ty Sagel	115.496.500	-	(115.496.500)	115.496.500	-	(115.496.500)
Công ty Kiến trúc P.A	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Simon	56.000.000	-	(56.000.000)	56.000.000	-	(56.000.000)
Các khách hàng khác	95.730.000	-	(95.730.000)	95.730.000	-	(95.730.000)
Phải thu khác	265.668.853	-	(265.668.853)	265.668.853	-	(265.668.853)
Nguyễn Hữu Đăng Khoa	10.500.000	-	(10.500.000)	10.500.000	-	(10.500.000)
Sở tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	-	(255.168.853)	255.168.853	-	(255.168.853)
Cộng	11.723.543.754	2.794.246.441	(8.929.297.313)	6.411.398.316	150.400.158	(6.260.998.158)

8. Hàng tồn kho

	Số dư 30/09/2017		Số dư 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	142.436.059		98.777.622	
Công cụ, dụng cụ	259.889.231		259.889.231	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	58.746.487.108	(367.440.582)	61.184.326.216	(814.988.582)
Thành phẩm bất động sản	13.945.671.892		16.370.005.556	
Hàng hóa	2.043.734.505		881.691.733	
Cộng	75.138.218.795	(367.440.582)	78.794.690.358	(814.988.582)

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Khu dân cư đường Trương Định nối dài	324.104.435	505.338.221
Khu nhà ở TM xã Trung An	27.484.583.205	57.065.571.548
KDC đường Nguyễn Trãi nối dài	25.836.423.165	211.077.999
KDC Mỹ Thạnh Hưng	60.173.509	60.173.509
Khu dân cư Sông Đốc	-	447.548.000
Các công trình xây dựng	5.041.202.794	2.894.616.939
Cộng	58.746.487.108	61.184.326.216

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số liệu chỉ tiêu Hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính kiểm toán tại ngày 31/12/2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với trình bày của Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017.

9. Chi phí trả trước

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
a/ Chi phí trả trước ngắn hạn	79.145.924	-
Chi phí thuê đất	52.514.106	-
Chi phí khác	26.631.818	-
b/ Chi phí trả trước dài hạn	622.743.073	368.009.546
Công cụ, dụng cụ	70.393.437	67.854.799
Chi phí sửa chữa	552.349.636	300.154.747
Cộng	701.888.997	368.009.546

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (01/01/2017)	3.222.169.173	7.562.005.011	4.363.306.035	444.593.636	15.592.073.855
- Tăng trong năm	-	-	5.713.909.092	-	5.713.909.092
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư 30/09/2017	3.222.169.173	7.562.005.011	10.077.215.127	444.593.636	21.305.982.947
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm (01/01/2017)	2.736.694.306	1.905.648.647	2.578.840.356	346.728.335	7.567.911.644
- Khấu hao trong kỳ	297.814.103	688.416.129	413.081.016	19.369.089	1.418.680.337
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư 30/09/2017	3.034.508.409	2.594.064.776	2.991.921.372	366.097.424	8.986.591.981
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2017	485.474.867	5.656.356.364	1.784.465.679	97.865.301	8.024.162.211
- Tại ngày 30/09/2017	187.660.764	10.681.849.327	1.371.384.663	78.496.212	12.319.390.966
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					
Tại ngày 01/01/2017	357.170.709	111.378.140	1.134.511.500	327.511.818	1.930.572.167
Tại ngày 30/09/2017	518.914.526	111.378.140	1.134.511.500	327.511.818	2.092.315.984
Giá trị còn lại của TSCĐ đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh tại BIDV - Tiền Giang					
Tại ngày 01/01/2017	284.078.223	5.239.561.639	1.549.627.361	30.113.634	7.103.380.857
Tại ngày 30/09/2017	24.025.996	4.598.984.479	1.228.194.431	21.079.542	5.872.284.448

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***11. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm kế toán)**

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Tăng	Giảm	Số dư 30/09/2017
Nguyên giá	350.263.800	-	-	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	175.131.900	43.782.975	-	218.914.875
Giá trị còn lại	175.131.900	43.782.975	-	131.348.925

12. Chi phí xây dựng dở dang

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Mua sắm tài sản cố định	9.206.104.962	968.181.818
Mua căn hộ	748.333.237	-
Mua sắm máy móc thiết bị	8.457.771.725	968.181.818
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.177.488.139	1.114.610.353
Xây dựng Nhà máy bê tông	196.886.038	196.886.038
Xây mới Văn phòng làm việc TICCO	4.252.559.008	108.843.553
Ki ốt cho thuê	1.059.842.393	-
Cụm Công Nghiệp Gia Thuận 1	21.130.603.478	561.738.546
Cụm Công Nghiệp Gia Thuận 2	504.358.642	213.903.636
Nhà kho	33.238.580	33.238.580
Cộng	36.383.593.101	2.082.792.171

Số liệu chi tiêu chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính kiểm toán tại ngày 31/12/2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với các trình bày của Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản chi phí trích trước	Số tiền tạm thu KD BĐS	Chi phí dự phòng và chi phí phân bổ	Các khoản lỗ tính thuế	Cộng
Số dư 01/01/2017	61.931.153	386.240.144	299.516.265	3.347.238.128	4.094.925.690
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(61.931.153)	52.405.624	(17.033.431)	(434.940.839)	(461.499.799)
Số dư 30/09/2017	-	438.645.768	282.482.834	2.912.297.289	3.633.425.891

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	3.608.030.487	2.726.238.571
Phải trả người bán thi công công trình	34.414.833.828	49.287.887.108
Phải trả người bán thi công cơ giới	203.516.103	304.499.503
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	983.934.277	1.210.478.843
Cộng	39.210.314.695	53.529.104.025

Chi tiết phải trả ngắn hạn của các người bán sau:**Phải trả người bán là các bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	134.788.120	113.946.170
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	15.354.342.865	28.429.267.115
Cty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	3.169.290.079	2.576.491.000
Cty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	6.740.908.108	5.723.411.328
Công ty CPĐT & XD TICCO An Giang	1.682.001.426	2.382.001.426

Phải trả người bán khác

Cty Cổ phần 6.3	4.209.282.052	5.976.049.659
Công ty TNHH Hòa Điền	-	833.225.000
DNTN Lê Thành Tài	2.416.623.392	650.850.145
Các khách hàng khác	5.503.078.653	6.843.862.182
Cộng	39.210.314.695	53.529.104.025

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	22.194.000	2.641.000
Người mua cơ khí trả tiền trước	2.435.000.000	-
Người mua thi công công trình trả tiền trước	41.388.499.905	12.714.982.799
Người mua thi công cơ giới trả tiền trước	7.800.000	7.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	21.166.917.700	38.246.300.000
Cộng	65.020.411.605	50.971.723.799

Chi tiết khoản người mua ứng tiền trước sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
BQL DA CT NN & PT NT Cà Mau	-	2.743.709.102
Ban QLDA chuyên ngành NN và PTNT tỉnh Bến Tre	26.987.600.866	-
BQL DA ĐT XD ngành NN Tiền Giang	1.764.000.000	572.880.745
Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Châu Thành	4.953.862.000	-
Ban quản lý các dự án huyện Gò Công Đông	2.807.000.000	-
Sở NN& PTNT tỉnh Trà Vinh	-	4.039.266.500
Cty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát	-	4.150.994.000
Khách hàng dự án khu nhà ở TM xã Trung An	20.621.685.000	37.408.843.500
Các khách hàng khác	7.886.263.739	2.056.029.952
Cộng	65.020.411.605	50.971.723.799

16. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Thuế GTGT được khấu trừ:

Chỉ tiêu	01/01/2017	Phát sinh tăng	Kết chuyển khấu trừ	30/09/2017
Thuế GTGT đc khấu trừ	-	14.609.755.558	13.043.286.654	1.566.468.904

Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước:

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017		Phát sinh			Số dư 30/09/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế TNDN	-	4.108.629.404	5.794.442.020	11.062.632.910	-	-	9.376.820.294
Thuế GTGT	-	411.363.795	5.985.676.518	18.617.599.377	13.043.286.654	-	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	-
Thuê đất	-	-	164.183.872	325.190.107	-	-	161.006.235
Thuế TNCN	-	81.833.710	1.936.511.689	1.942.113.970	-	-	87.435.991
Cộng	-	4.601.826.909	13.886.814.099	31.953.536.364	13.043.286.654	-	9.625.262.520

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	-	5.384.000
Giá vốn ước tính các dự án khu dân cư	41.595.958.674	58.323.819.351

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Chi phí thi công công trình xây dựng	1.641.539.653	1.819.425.187
Các chi phí phải trả khác	56.272.200	462.583.096
Cộng	43.293.770.527	60.611.211.634

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Kinh phí công đoàn	36.552.289	33.271.523
Thù lao HĐQT	66.688.731	66.688.732
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Hoán đổi đất nền KDC Trương Định	569.000.887	379.000.887
Phải trả cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty cổ phần TESTCO	13.186.591	13.186.591
Công ty Cổ phần 6.3	1.472.996.699	-
Các khoản phải trả khác	433.851.787	373.140.981
Cộng	3.259.813.980	1.532.825.710

19. Doanh thu chưa thực hiện

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Doanh thu chưa thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất các dự án bất động sản	22.307.479.446	11.408.545.166
Cộng	22.307.479.446	11.408.545.166

20. Vay và nợ thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 30/09/2017	Trong kỳ		Số dư 01/01/2017
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	28.770.019.452	45.672.979.945	33.427.992.926	16.525.032.433
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>15.575.067.452</i>	<i>34.584.036.945</i>	<i>28.156.965.926</i>	<i>9.147.996.433</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (i)	15.575.067.452	34.584.036.945	28.156.965.926	9.147.996.433
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (số phải trả trong vòng 12 tháng)</i>	<i>13.194.952.000</i>	<i>11.088.943.000</i>	<i>5.271.027.000</i>	<i>7.377.036.000</i>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	8.590.702.000	6.484.693.000	5.271.027.000	7.377.036.000
Vay cá nhân dự án Nguyễn Trãi	4.604.250.000	4.604.250.000	-	-
Vay dài hạn	40.151.521.000	33.943.250.000	13.262.443.000	19.470.714.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (ii)	6.344.021.000	3.000.000.000	6.484.693.000	9.828.714.000
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang (iii)	27.724.500.000	20.256.000.000	2.173.500.000	9.642.000.000
Vay cá nhân dự án Nguyễn Trãi (iv)	6.083.000.000	10.687.250.000	4.604.250.000	-
Tổng cộng	68.921.540.452	79.616.229.945	46.690.435.926	35.995.746.433

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay và nợ của các tổ chức tín dụng và cá nhân như sau:

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/433488/HĐTD ngày 17/10/2016 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17/10/2017. Các khoản vay này có thời gian vay 6 tháng và chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất thuê tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và các tài sản cố định hữu hình theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/433488/HĐBĐ ngày 17/10/2016, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và quyền đòi nợ (khoản phải thu) để thế chấp cho khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2016/433488/HĐBL ngày 17/10/2016 với hạn mức bảo lãnh là 200.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng đến hết ngày 17/10/2017. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/ giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này.

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang bao gồm các khoản vay sau:

(ii.1). Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10 tháng 02 năm 2015:

- Hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND;
- Thời hạn của Hợp đồng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích của khoản vay: bổ sung vốn thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (Dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm);
- Tài sản đảm bảo: các quyền sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và quyền sử dụng đất tại P.6 TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Tại ngày 30/09/2017, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 0282/15/TD/XXVI là: 11.934.723.000 đồng.

(ii.2). Hợp đồng tín dụng số 1453/17/TD/XXVI ngày 28 tháng 04 năm 2017:

- Hạn mức tín dụng là 7.375.000.000 đồng;
- Thời hạn của Hợp đồng tín dụng: 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích của khoản vay: tài trợ và bồi hoàn vốn thực hiện dự án đầu tư thiết bị thi công cọc ván Bê tông dự ứng lực;
- Tài sản đảm bảo: các tài sản hình thành trong tương lai của dự án để đảm bảo cho khoản vay này;
- Tại ngày 30/09/2017, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 1453/17/TD/XXVI là: 3.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(iii) Khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang bao gồm các hợp đồng sau:

(iii.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 25 tháng 02 năm 2016:

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000VND;
- Thời hạn của Hợp đồng: 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích của khoản vay: bổ sung vốn thực hiện Dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An;
- Tài sản đảm bảo: các quyền sử dụng đất của dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An để đảm bảo cho khoản vay này;
- Tại ngày 30/09/2017, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 01/2016/HĐTD là 7.468.500.000đồng.

(iii.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2017/HĐTD ngày 26 tháng 07 năm 2017:

- Hạn mức tín dụng là 58.000.000.000VND;
- Thời hạn của Hợp đồng: 36 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích khoản vay: đầu tư xây dựng đường Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường;
- Tài sản đảm bảo: các quyền sử dụng đất của khu dân cư Long Thạnh Hưng và dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An;
- Tại ngày 30/09/2017, số dư nợ vay của hợp đồng tín dụng 02/2017/HĐTD là: 20.256.000.000 đồng.

(iv) Khoản vay dài hạn các cá nhân thuộc diện đền bù giải tỏa trong dự án Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường với thời hạn vay là 15 tháng, lãi suất là 0%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Hình thức vay: Tín chấp.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số dư 30/09/2017	Số dư 01/01/2017
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	266.850.111	278.360.520
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	2.683.416.021	1.077.133.887
Cộng	2.950.266.132	1.355.494.407

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Sử dụng các quỹ trong năm	Trích lập quỹ trong năm	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số dư 30/09/2017
Quỹ khen thưởng	1.039.071.350	2.228.000.000	2.590.451.716	-	1.401.523.066
Quỹ phúc lợi	2.096.778.336	657.400.000	2.590.451.716	-	4.029.830.052
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	39.078.855	-	-	15.291.720	23.787.135
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	1.861.195.365	3.158.000.000	4.677.175.708	-	3.380.371.073
Cộng	5.036.123.906	6.043.400.000	9.858.079.140	15.291.720	8.835.511.326

23. Vốn đầu tư chủ sở hữu**a. Tình hình vốn chủ sở hữu**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	100.000.000.000	10.700.000.000	30.182.457.785	64.240.914.215	205.123.372.000
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	5.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	9.999.070.000	(9.999.070.000)	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	90.711.323.357	90.711.323.357
Trích lập các quỹ	-	-	5.594.517.955	(16.830.436.026)	(11.235.918.071)
Chia cổ tức	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	119.999.070.000	5.700.930.000	35.776.975.740	118.121.801.546	279.598.777.286
Số dư tại ngày 01/01/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	35.776.975.740	118.121.801.546	279.598.777.286
Lãi trong năm	-	-	-	76.155.089.371	76.155.089.371
Trích lập các quỹ	-	-	8.634.839.054	(18.492.918.194)	(9.858.079.140)
Chia cổ tức	-	-	-	(35.999.721.000)	(35.999.721.000)
Số dư tại ngày 30/09/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	44.411.814.794	139.784.251.723	309.896.066.517

b. Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 119.999.070.000 đồng. Tại ngày 30/09/2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***c. Cổ phiếu**

	30/09/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.907	11.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.907	11.999.907
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.907	11.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.907	11.999.907
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	14.615.265.694	6.424.385.862
Doanh thu thi công công trình xây dựng	9.077.529.680	52.914.769.258
Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí	-	11.814.734.606
Doanh thu thi công cơ giới	1.756.038.637	1.880.392.085
Doanh thu kinh doanh bất động sản	23.166.534.357	48.416.562.206
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(109.008.591)
Doanh thu thuần	48.615.368.368	121.341.835.426
Doanh thu các bên liên quan	12.886.940.591	9.808.491.852
Cty TNHH MTV Xây dựng TICC0	4.136.494.525	3.871.237.647
Cty TNHH MTV XD TL TICC0	1.675.542.960	-
Cty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICC0	31.295.563	-
Cty TNHH MTV Bê tông TICC0	7.043.607.543	5.937.254.205

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	12.829.017.280	5.285.054.180
Giá vốn thi công công trình	8.846.010.768	50.152.143.381
Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí	-	9.148.705.851
Giá vốn thi công cơ giới	1.643.014.288	1.640.661.797
Giá vốn kinh doanh bất động sản	13.345.454.385	40.925.588.450
Cộng	36.663.496.721	107.152.153.659

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	933.827.200	727.988.630
Lãi cho vay	43.235.991	43.235.991
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	7.800.000	15.600.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	15.731.660.995	17.355.602.366
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.526.239	1.641.258
Cộng	16.719.050.425	18.144.068.245

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
Chi phí lãi vay	201.937.006	202.207.545
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	663.967.790	(158.290.573)
Cộng	865.904.796	43.916.972

5. Chi phí bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
Chi phí nhân viên	262.756.571	313.916.575
Chi phí vật liệu, bao bì	1.057.079.300	625.110.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.089.229	18.302.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.424.694	8.305.420
Chi phí bằng tiền khác	43.423.654	45.560.546
Cộng	1.408.773.448	1.011.195.759
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
Chi phí nhân viên quản lý	1.654.642.720	2.199.904.315
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	40.187.626	96.558.423
Chi phí dụng cụ quản lý	34.996.720	91.406.356
Chi phí khấu hao	149.473.776	203.554.948
Thuế, phí, lệ phí	119.099.981	99.232.628
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	(77.554.960)	1.380.281.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.363.917	131.184.549
Chi phí bằng tiền khác	1.188.194.915	851.633.188
Cộng	3.236.404.695	5.053.756.234
7. Thu nhập khác		
	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	11.510.409	194.061.647
Thu khác	12.490	400.000
Cộng	11.522.899	194.461.647
8. Chi phí khác		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2016
Tiền phạt	-	10.912.372
Chi phí xử lý công nợ	-	2.317
Cộng	-	10.914.689

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.419.776.466	22.516.082.266
Chi phí nhân công	2.600.586.394	9.454.429.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	465.360.873	1.001.376.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.980.347.873	111.261.350.337
Chi phí khác	1.316.536.988	4.136.905.555
Cộng	42.782.608.594	148.370.144.961

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các bên liên quan****1.1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017 với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
GIAO DỊCH BÁN		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI TICCO		
	- Lợi nhuận chuyển về quý 3/2017	14.139.793
	- Tiền điện	1.010.994
	- Thuê máy toàn đạc	3.450.000
	- Chi phí chi hộ đấu thầu	79.491.755
	- Sửa chữa máy móc	69.447.506
	- Thuê máy móc thiết bị	52.063.636
	- Bán vật liệu xây dựng	1.550.581.818
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH TICCO		
	- Lợi nhuận chuyển về quý 3/2017	265.577.542
	- Tiền điện	23.318.794
	- Chi phí chi hộ đấu thầu	65.613.090
	- Thuê máy móc thiết bị	31.295.563

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Lợi nhuận chuyển về quý 3/2017	79.492.830
	- Tiền điện	5.101.032
	- Chi phí chi hộ	147.402.071
	- Thuê máy móc, thiết bị	1.236.126.362
	- Bán vật liệu xây dựng	2.900.368.163
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Lợi nhuận chuyển về quý 3/2017	15.372.450.830
	- Tiền điện	490.847.000
	- Lãi vay	43.235.991
	- Thuê thiết bị	46.426.545
	- Bán vật liệu xây dựng	6.997.180.998
GIAO DỊCH MUA		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI		
	- Khối lượng thi công công trình	1.788.879.091
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH		
	- Khối lượng thi công công trình	4.587.475.455
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Khối lượng thi công công trình	6.128.383.876
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Mua và cạp vật tư	89.399.728

1.2. Chi tiết số dư tại ngày 30/09/2017 với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/09/2017
SỐ PHẢI TRẢ		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI		
	- Phải trả thi công công trình	6.740.908.108
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH		
	- Phải trả thi công công trình	3.169.290.079
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Phải trả thi công công trình	15.354.342.865
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Phải trả mua bê tông tươi	75.859.520
	- Phải trả tiền cạp vật tư	58.928.600
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TICCO AN GIANG		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÊN LIÊN QUAN	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/09/2017
	- Phải trả thi công công trình	1.682.001.426
SỐ PHẢI THU		
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI		
	- Phải thu thuê máy móc, thiết bị	399.511.041
	- Phải thu mua vật liệu	4.669.715.500
	- Ứng trước thi công công trình	3.900.841.000
	- Phải thu lợi nhuận các năm	1.016.553.134
	- Phải thu đầu tư dự án dự ứng lực	705.939.595
	- Phải thu chi hộ	80.723.848
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH		
	- Phải thu thuê máy móc, thiết bị	16.129.120
	- Ứng trước thi công công trình	2.435.000.000
	- Phải thu lợi nhuận các năm	779.725.166
	- Phải thu chi hộ	95.454.672
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TICCO		
	- Ứng trước thi công công trình	3.470.600.000
	- Phải thu mua bán cừ larsen	2.848.957.130
	- Phải thu lợi nhuận	1.521.161.823
	- Phải thu thuê máy móc thiết bị	2.658.646.400
	- Phải thu mua vật liệu xây dựng	4.342.960.480
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO		
	- Ứng trước	768.008.000
	- Phải thu thi công công trình	1.648.579.000
	- Phải thu mua vật liệu xây dựng	5.158.315.180
	- Phải thu lãi cho vay	43.235.991
	- Phải thu lợi nhuận các năm	89.534.489.016
	- Phải thu khác	539.931.700

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong quý 3 năm 2017 từ lương, thưởng, phụ cấp là 427.333.000đồng (Trong 9 tháng đầu năm 2017 là 3.147.201.812 đồng)

2. Thông tin bộ phận

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Thi công công trình; Thi công cơ giới và Kinh doanh bất động sản. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 4 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh vật liệu xây dựng (Xí nghiệp trực thuộc Công ty);
- Bộ phận thi công công trình và sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí: Chủ yếu thi công và sản xuất, gia công cửa cổng cho các công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bộ phận thi công cơ giới: Chủ yếu cho thuê máy móc thi công công trình thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí Nghiệp Thi công cơ giới (Xí nghiệp trực thuộc Công ty);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu	Thi công công trình và sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Cộng
Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017						
Doanh thu thuần bộ phận	37.068.579.102	84.455.202.841	5.590.143.352	67.118.988.201	-	194.232.913.496
Giá vốn bộ phận	32.090.388.819	83.904.256.327	4.994.640.987	19.839.088.487	-	140.828.374.620
Chi phí bán hàng	3.146.913.885	-	-	715.407.443	-	3.862.321.328
Chi phí quản lý doanh nghiệp	439.721.278	9.258.159.498	453.220.107	2.170.364.139	-	12.321.465.022
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	1.391.555.120	(8.707.212.984)	142.282.258	44.394.128.132	-	37.220.752.526
Doanh thu hoạt động tài chính	817.913	-	375.564	515.723	51.756.070.651	51.757.779.851
Chi phí tài chính	280.569.753	-	-	-	1.150.065.267	1.430.635.020
Thu nhập khác	-	123.096.035	-	96.320.055	-	219.416.090
Chi phí khác	190.577	83.455.453	-	4.445.337	-	88.091.367
Lợi nhuận trước thuế	1.111.612.703	(8.667.572.402)	142.657.822	44.486.518.573	50.606.005.384	87.679.222.080
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	11.062.632.910	-	11.062.632.910
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	9.525.529	451.974.270	461.499.799
Lợi nhuận sau thuế	1.111.612.703	(8.667.572.402)	142.657.822	33.414.360.134	50.154.031.114	76.155.089.371

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận
Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016							
Doanh thu thuần bộ phận	19.279.896.298	101.347.027.488	19.216.014.495	4.939.982.140	142.215.196.193	-	286.998.116.614
Giá vốn bộ phận	16.311.593.622	94.663.408.710	15.436.268.704	4.696.501.396	121.140.881.399	-	252.248.653.831
Chi phí bán hàng	3.354.388.465	-	-	-	840.074.471	-	4.194.462.936
Chi phí quản lý doanh nghiệp	484.395.527	6.824.607.343	904.060.064	470.616.462	3.662.645.476	-	12.346.324.872
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	(870.481.316)	(140.988.565)	2.875.685.727	(227.135.718)	16.571.594.847	-	18.208.674.975
Doanh thu hoạt động tài chính	399.595	3.113.377	6.715.139	755.105	940.068	52.251.843.658	52.263.766.942
Chi phí tài chính	151.096.254	270.856.117	76.106.667	-	-	454.297.099	952.356.137
Thu nhập khác	-	124.942.973	167.372.894	200.000	-	305.016.380	597.532.247
Chi phí khác	6.900.000	2	6.442	44.159	-	365.431.864	372.382.467
Lợi nhuận trước thuế	(1.028.077.975)	(283.788.334)	2.973.660.651	(226.224.772)	16.572.534.915	51.737.131.075	69.745.235.560
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	3.829.888.111	-	3.829.888.111
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(261.243.398)	-	-	-	(286.661.941)	-	(547.905.339)
Lợi nhuận sau thuế	(766.834.577)	(283.788.334)	2.973.660.651	(226.224.772)	13.029.308.745	51.737.131.075	66.463.252.788

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu	Thi công công trình và sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Cộng
Số dư ngày 30/09/2017						
Tài sản						
Tài sản bộ phận	19.516.890.545	49.301.856.608	4.800.140.340	100.872.562.160		174.491.449.653
Tài sản không phân bổ					400.012.910.329	400.012.910.329
Tổng tài sản	19.516.890.545	49.301.856.608	4.800.140.340	100.872.562.160	400.012.910.329	574.504.359.982
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	4.231.575.072	84.012.709.183	670.409.408	150.336.204.898		239.250.898.561
Nợ phải trả không phân bổ					25.357.394.904	25.357.394.904
Tổng nợ phải trả	4.231.575.072	84.012.709.183	670.409.408	150.336.204.898	25.357.394.904	264.608.293.465
Số dư ngày 01/01/2017						
Tài sản						
Tài sản bộ phận	8.527.043.885	51.784.554.994	4.655.675.663	76.724.836.659		141.692.111.201
Tài sản không phân bổ					365.292.021.515	365.292.021.515
Tổng tài sản	8.527.043.885	51.784.554.994	4.655.675.663	76.724.836.659	365.292.021.515	506.984.132.716
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	2.744.547.473	65.915.003.302	1.067.462.098	102.980.521.678		172.707.534.551
Nợ phải trả không phân bổ					54.677.820.879	54.677.820.879
Tổng nợ phải trả	2.744.547.473	65.915.003.302	1.067.462.098	102.980.521.678	54.677.820.879	227.385.355.430

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2017 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán trong đó có một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp tại báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017. Số liệu quý 3/2017 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 3/2016.

Tiền Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu



HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

